

Xylanh tiêu chuẩn
DSBC-...-50- -F1A-
Số bộ phận: 8150689

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	1 mm...2800 mm
Ø pít tông	50 mm
Ren thanh pít tông	M16x1,5 M10
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 15552
Đầu thanh piston	Ren ngoài Ren trong
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây. Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài Ren trong trên thanh piston Thanh pít tông kéo dài Ty pít tông liền mạch Các rãnh cảm biến trên 3 mặt tiết diện thanh pít-tông một mặt
Áp suất vận hành	0.04 MPA...1.2 MPA 0.4 bar...12 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1

Đặc tính	Giá trị
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	1 J
Chiều dài đệm	22 mm
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	990 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	1178 N
Trọng lượng bổ sung cho mỗi 10 mm chiều dài thanh pít-tông	25 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi 10 mm kéo dài ren thanh pít-tông	14 g
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện tùy ý:
Cổng nối khí nén	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực, trắng
Vật liệu con dấu piston	TPE-U (PU)
Vật liệu pít tông	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim
Vật liệu ty pít tông-dụng cụ nạo kín	TPE-U (PU)
Con dấu đệm vật liệu	TPE-U (PU)
Vật liệu piston bộ đệm	POM
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn
Vật liệu đai ốc	Thép, mạ niken hóa học
Vật liệu ổ trục	POM
Vít cố vật liệu	Thép, mạ niken hóa học